



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

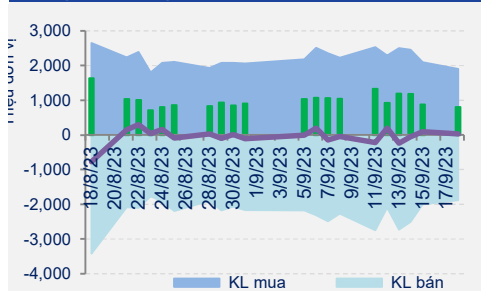
18/9/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

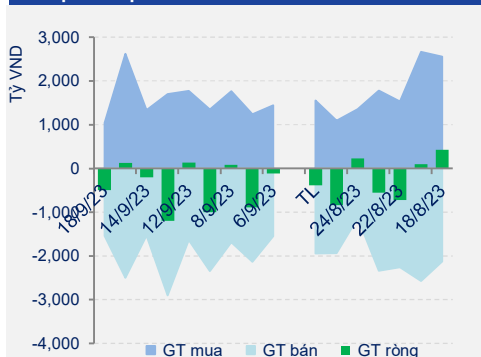
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,211.81	250.48
% Thay đổi	↓ -1.27%	↓ -0.90%
KLGD (CP)	799,474,963	94,930,347
GTGD (tỷ đồng)	19,723.08	1,972.91
Tổng cung (CP)	1,872,449,209	129,817,400
Tổng cầu (CP)	1,903,074,897	108,656,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	49,966,886	539,403
KL mua (CP)	33,997,455	624,544
GT mua (tỷ đồng)	1,040.43	19.57
GT bán (tỷ đồng)	1,535.99	15.21
GT ròng (tỷ đồng)	(495.56)	4.37

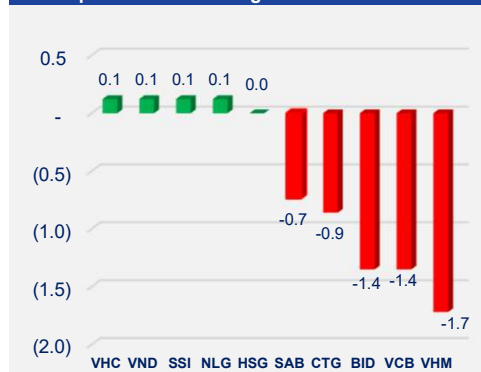
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Thị trường bắt đầu tuần giao dịch với nhiều thông tin, sự kiện quan trọng sẽ diễn ra như đáo hạn phái sinh kỳ hạn VN30F2309; cuộc họp của FED ngày 20/09/2023 sẽ đưa ra quyết định về lãi suất (giới đầu tư dự đoán Fed sẽ giữ nguyên lãi suất) cũng như định hướng chính sách tiền tệ trong thời gian tới. Tâm lý thận trọng đi kèm với áp lực giảm điểm trong tuần trước khiến cho VN-INDEX giảm điểm từ đầu phiên, thanh khoản giảm khá mạnh. Áp lực bán gia tăng mạnh hơn trong phiên chiều khi VN-INDEX điều chỉnh về gần vùng hỗ trợ tâm lý 1.200 điểm trước khi phục hồi trở lại kết phiên ở mức 1.211,81 điểm, giảm 15,55 điểm (-1,27%). HNX-INDEX giảm 2,28 điểm (-0,90%) về mức 250,48 điểm. Độ rộng trên hai sàn niêm yết tiêu cực với tổng cộng 531 mã giảm giá (10 mã giảm sàn), 175 mã tăng giá (06 mã tăng trần) và 98 mã giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn đạt 21.688 tỷ đồng, giảm khá mạnh so với trung bình tuần trước, trong đó khối lượng giao dịch trên HOSE giảm 12,21% so với phiên trước. Diễn biến cho thấy áp lực điều chỉnh đang chiếm áp đảo trên thị trường, nhưng mức độ điều chỉnh ở mức bình thường. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng với giá trị 479,13 tỷ đồng, tập trung bán ròng mạnh ở nhóm thép, ngân hàng, bất động sản; duy trì mua ròng trên HNX với giá trị 4,37 tỷ đồng.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng, sau diễn biến khá tích cực trong tuần trước đã chịu áp lực điều chỉnh mạnh trở lại, thanh khoản gia tăng vượt mức trung bình như EIB (-6,50%), VIB (-2,78%), MSB (-2,36%), TCB (-2,29%), BID (-2,24%)... ngoài VAB (+1,25%), STB (+0,31%)...

Trong khi đó các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán mặc dù thanh khoản thị trường suy giảm khá mạnh trong phiên nhưng vẫn có diễn biến tích cực, khá nổi bật với đa phần tăng giá nhưng thanh khoản dưới mức trung bình như VND (+2,29%), FTS (+1,26%), AGR (+0,78%), SSI (+0,56%)... ngoài các mã chịu áp lực bán mạnh với VFS (-6,36%), PSI (-5,22%), TVS (-3,16%)....

Các cổ phiếu xây dựng, vật liệu xây dựng, thép có diễn biến khá phân hóa, đa phần chịu áp lực điều chỉnh với thanh khoản dưới trung bình như DHA (-5,02%), HT1 (-3,25%), PHC (-3,02%), VCG (-2,20%)... trong khi CTD (+4,89%), FCN (+2,11%), HHV (+1,13%), HSG (+1,87%), VGS (+0,98%)...

Nhóm cổ phiếu bất động sản tiếp tục có diễn biến kém tích cực so với thị trường chung ngoài một số mã phục hồi như ITC (+3,04%), TCH (+2,26%), NLG (+1,79%), DXG (+1,60%)... thì đa số giảm điểm, thanh khoản ở mức trung bình với QCG (-5,00%), LGL (-4,08%), NVL (-3,97%), HDC (-3,66%), NHA (-3,26%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2309 giảm 18,5 điểm (-1,49%), chênh lệch âm -1,70 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch duy trì ở mức cao, trên mức trung bình. Khối lượng mở OI xu hướng giảm cho thấy chủ yếu các vị thế đầu cơ, bán trong phiên khi thị trường sẽ đảo hạn trong 03 phiên đến. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2310, VN30F2312, VN30F2403 chênh lệch từ -3,70 điểm đến -10,8 điểm, mức chênh lệch giữa các kỳ hạn mở rộng trong đó kỳ hạn VN30F2310 cao hơn VN30F2309, cho thấy các trader kém lạc quan với VN30, nghiêng về khả năng sẽ tiếp tục điều chỉnh.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Nhịp hồi phục vừa qua tiệm cận ngưỡng kháng cự ngắn hạn 1.250 tiếp tục gặp khó khăn và thoái lui hình thành nhịp điều chỉnh thứ 2, mặc dù 1.250 chỉ là ngưỡng cản ngắn hạn nhưng ngưỡng cản này sát với ngưỡng cản 1.300 là ngưỡng cản mạnh nên việc VnIndex rung lắc rũ bỏ và hướng tới việc hình thành nền tích lũy ở vùng cản này là vận động lành mạnh nhằm tích lũy nội lực cho nhịp bùng nổ vượt cản tiếp theo. Hiện tại nền tảng tích lũy đang hình thành và đang có xu hướng kéo dài nhưng xu hướng bùng nổ vượt 1.250 để hướng tới 1.300 vẫn có thể xảy ra bất kỳ thời điểm nào, đợt điều chỉnh hiện tại có ngưỡng hỗ trợ tâm lý quanh 1.200 và ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật 1.170 là đáy của nhịp điều chỉnh cũ.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Vn-Index tiếp tục xu hướng điều chỉnh sau khi tiệm cận ngưỡng cản 1.250 điểm lần thứ 2, chốt phiên VnIndex giảm -15,55 điểm (-1,27%) và đóng cửa ở 1.211,81 điểm. Như chúng tôi đã nhận định trong các bản tin gần đây, Vn-Index đang trong quá trình hình thành nền tảng tích lũy để chuẩn bị cho nỗ lực vượt cản trong thời gian tới. Quá trình này là vận động tích cực nhưng sẽ cần nhiều thời gian để thử thách tâm lý nhà đầu tư qua đó hình thành nền chặt chẽ trở lại. Ngưỡng hỗ trợ tâm lý của chỉ số là quanh 1.200 điểm và xa hơn là vùng 1.180 điểm, tương đương đáy của nhịp điều chỉnh cũ.

Xu hướng tăng điểm trung hạn vẫn được duy trì nhưng thị trường đang đối diện với 2 ngưỡng cản quan trọng quanh 1.250 điểm và xa hơn là 1.300 điểm vì thế việc VnIndex rung lắc và hình thành nền tích lũy trước các ngưỡng cản nói trên là bình thường và cần thiết.

Trong ngắn hạn thị trường đang có nhịp điều chỉnh để dần hình thành nền tích lũy mới, nhà đầu tư ngắn hạn cần kiên nhẫn chờ đợi thêm diễn biến thị trường tại các vùng hỗ trợ. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục đã giải ngân từ đầu sóng như các bản tin và khuyến nghị của chúng tôi. Trường hợp muốn giải ngân thêm nhà đầu tư vẫn có thực hiện trong nhịp điều chỉnh, mục tiêu giải ngân nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay. Chiến lược giải ngân trung - dài hạn nên là gia tăng giải ngân trong các giai đoạn thị trường điều chỉnh giảm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp !



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

18/9/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
IDC	48.10	43-45	55-57	41	12.1	-27.2%	-62.6%	Theo dõi chờ giải ngân
PVP	14.70	11.5-13	15.5-16	12	4.7	8.3%	235.8%	Theo dõi chờ giải ngân
PHR	50.20	46-48	57-59	43	7.7	-54.5%	136.4%	Theo dõi chờ giải ngân
BSR	21.81	19.5-21	25.5-26	18	13.7	-35.7%	-86.8%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/23	DPR	67.5	51.8	73-74	66	30.3%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	35.3	28.05	36.5-37.7	34	25.7%	Nắm giữ
2/8/23	VNM	78.9	72.95	87-89	78	8.2%	Nắm giữ
2/8/23	CTG	32.1	30.6	35-37	32	4.7%	Nắm giữ

**TIN DOANH NGHIỆP****IDC sắp chi gần 660 tỷ đồng tạm ứng cổ tức 2023 bằng tiền**

Theo đó, Tổng Công ty IDICO – CTCP dự kiến chi tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền tỷ lệ 20% (tương đương 1 cổ phiếu được nhận 2,000 đồng), ngày chốt danh sách cổ đông là 29/09, ngày dự kiến thanh toán 13/10.

EVNGENCO 3: Doanh thu công ty mẹ tụt xuống mức thấp nhất 18 tháng

Cụ thể, PGV ước doanh thu sản xuất điện Công ty mẹ tháng 8/2023 ở mức thấp nhất kể từ tháng 3/2022, xuống còn 3,008 tỷ đồng, giảm 21% so với cùng kỳ. Tháng 8, sản lượng điện EVNGenco3 ghi nhận hơn 1.9 tỷ kWh. Lũy kế 8 tháng, con số này hơn 20.7 tỷ kWh, giảm nhẹ 2% so với cùng kỳ và thực hiện được 64% kế hoạch năm, trong đó sản lượng điện Công ty mẹ gần 18.5 tỷ kWh (chiếm 89%).

PSL: 9 tháng ước đạt doanh thu 102 tỷ đồng

Trong 9 tháng năm 2023, PSL ước tổng doanh thu đạt 102 tỷ đồng; lãi trước và sau thuế lần lượt 3,8 tỷ đồng và 3,05 tỷ đồng. Sản lượng tiêu thụ heo giống ước đạt 114 tấn, còn sản lượng tiêu thụ heo thịt ghi nhận 1.597 tấn. Cả năm 2023, Công ty dự ước sản lượng tiêu thụ heo giống đạt 130 tấn; heo thịt (2.085 tấn). Tổng doanh thu ước đạt 137 tỷ đồng; lãi trước và sau thuế dự kiến 9,8 tỷ và 8,1 tỷ đồng

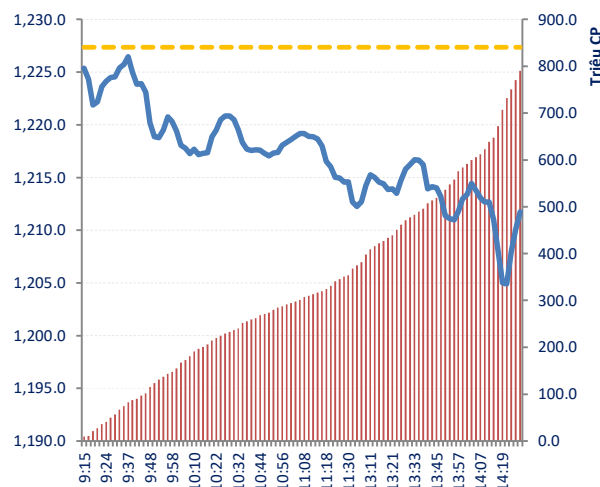
VGC: tạm ứng cổ tức 1.000 đồng/cp

Ngày 15/09, HĐQT VGC thông báo tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 10%. Ước tính VGC cần chi hơn 448 tỷ đồng để tạm ứng cổ tức đợt này. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 29/09 và ngày thanh toán dự kiến từ 24/10/2023.

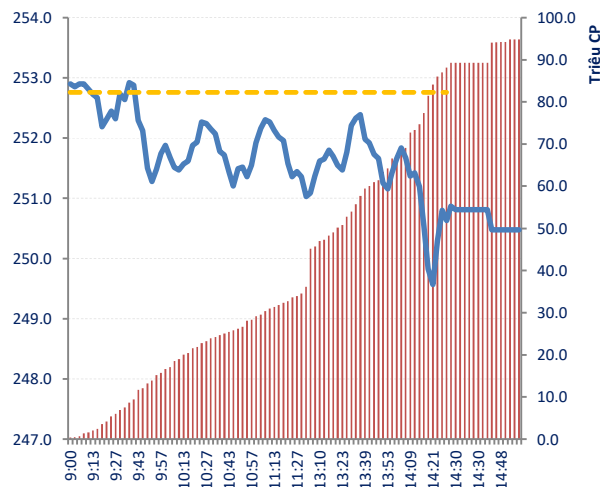


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

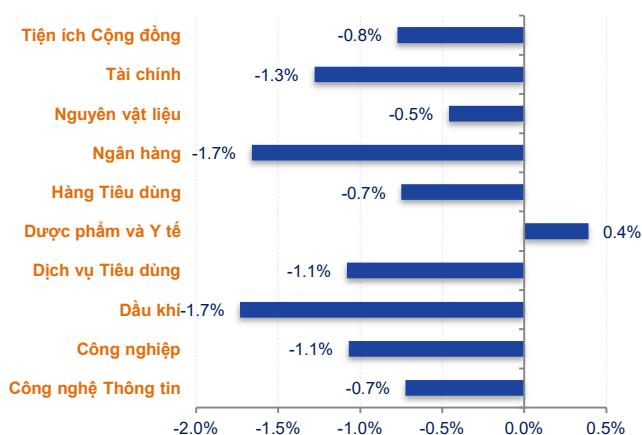
KLGD và VN-Index trong phiên



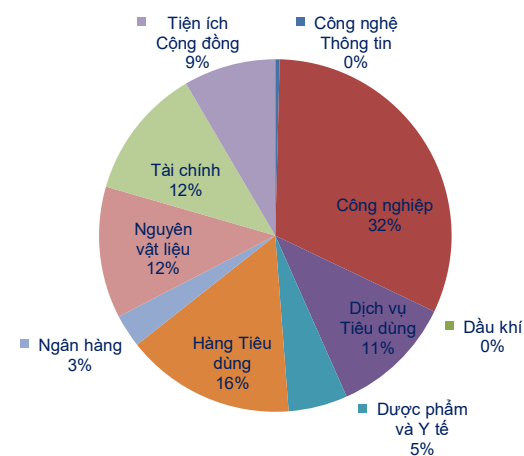
KLGD và HNX-Index trong phiên



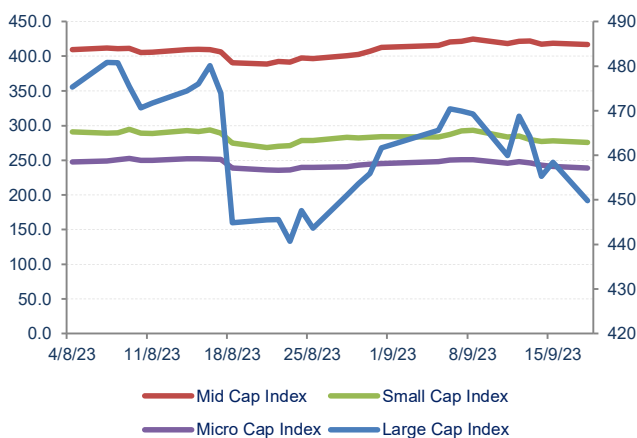
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



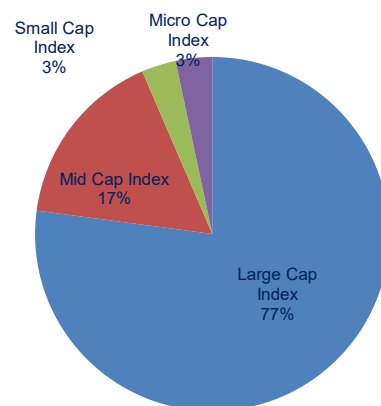
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DXG	2,804,840	VIC	2,581,482	1	PVS	114,222	NVB	100,000
2	HSG	407,095	VPB	1,905,500	2	SHS	73,210	VIG	42,000
3	SBT	359,228	VRE	1,627,379	3	HUT	63,475	CEO	38,700
4	DCM	348,870	HPG	1,439,334	4	TNG	28,660	IDC	28,776
5	OCB	348,600	GVR	1,422,800	5	NBC	16,500	PSD	27,600

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
MSB	14.85	14.50	↓ -2.36%	32,322,202	SHS	19.60	19.50	↓ -0.51%	18,967,666
VIX	19.60	19.05	↓ -2.81%	31,240,100	NVB	14.40	14.20	↓ -1.39%	10,744,329
GEX	24.55	23.55	↓ -4.07%	29,912,400	CEO	27.10	26.40	↓ -2.58%	6,894,578
VND	24.00	24.55	↑ 2.29%	29,090,800	PVS	39.40	38.50	↓ -2.28%	6,187,684
NVL	18.90	18.15	↓ -3.97%	28,580,800	HTP	26.20	26.20	→ 0.00%	4,534,540

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SMA	8.10	8.66	0.56	↑ 6.91%	KSV	39.00	42.90	3.90	↑ 10.00%
TCO	10.85	11.60	0.75	↑ 6.91%	PIC	13.50	14.80	1.30	↑ 9.63%
CLW	32.70	34.95	2.25	↑ 6.88%	KDM	17.80	19.50	1.70	↑ 9.55%
NO1	7.99	8.50	0.51	↑ 6.38%	VLA	20.90	22.80	1.90	↑ 9.09%
TDW	46.65	49.50	2.85	↑ 6.11%	NTH	54.60	59.40	4.80	↑ 8.79%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HU1	9.58	8.91	-0.67	↓ -6.99%	BPC	10.00	9.00	-1.00	↓ -10.00%
PTL	6.17	5.74	-0.43	↓ -6.97%	ATS	11.00	9.90	-1.10	↓ -10.00%
PNC	10.55	9.83	-0.72	↓ -6.82%	PIA	31.10	28.00	-3.10	↓ -9.97%
LGC	53.00	49.40	-3.60	↓ -6.79%	DHP	12.20	11.00	-1.20	↓ -9.84%
EIB	25.40	23.75	-1.65	↓ -6.50%	L61	7.20	6.50	-0.70	↓ -9.72%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	32,322,202	17.5%	2,414	6.2	1.0
VIX	31,240,100	7.0%	839	23.4	1.6
GEX	29,912,400	1.6%	385	63.8	1.0
VND	29,090,800	3.9%	467	51.4	1.9
NVL	28,580,800	-1.3%	(295)	-	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	18,967,666	4.3%	507	38.6	1.6
NVB	10,744,329	-0.1%	(12)	-	1.4
CEO	6,894,578	7.7%	957	28.3	2.2
PVS	6,187,684	7.2%	1,953	20.2	1.4
HTP	4,534,540	0.1%	26	1,025.0	1.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SMA	↑ 6.9%	4.8%	533	15.2	0.8
TCO	↑ 6.9%	11.2%	1,868	5.8	0.7
CLW	↑ 6.9%	24.0%	4,515	7.2	1.7
NO1	↑ 6.4%	9.9%	1,256	6.4	0.6
TDW	↑ 6.1%	25.9%	6,507	7.2	1.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KSV	↑ 10.0%	-9.0%	(1,355)	-	2.8
PIC	↑ 9.6%	10.9%	1,199	11.3	1.2
KDM	↑ 9.6%	-2.4%	(253)	-	1.6
VLA	↑ 9.1%	8.7%	978	21.4	1.9
NTH	↑ 8.8%	36.0%	5,999	9.1	3.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	2,804,840	-1.4%	(317)	-	0.9
HSG	407,095	-12.5%	(2,114)	-	1.3
SBT	359,228	5.4%	726	22.2	1.1
DCM	348,870	21.5%	4,286	7.9	1.6
OCB	348,600	16.3%	3,041	7.1	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	114,222	7.2%	1,953	20.2	1.4
SHS	73,210	4.3%	507	38.6	1.6
HUT	63,475	1.3%	136	186.3	5.8
TNG	28,660	15.5%	2,372	8.7	1.4
NBC	16,500	13.8%	1,838	6.7	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	501,900	23.0%	5,797	15.5	3.3
BID	236,739	19.0%	4,025	11.6	2.1
VHM	219,896	29.1%	10,341	4.9	1.3
GAS	209,769	20.3%	6,680	16.4	3.1
VIC	204,427	3.9%	1,395	38.4	1.5

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	22,581	1.3%	136	186.3	5.8
PVS	18,832	7.2%	1,953	20.2	1.4
SHS	15,938	4.3%	507	38.6	1.6
IDC	15,774	20.7%	3,969	12.0	2.5
CEO	13,948	7.7%	957	28.3	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
AGM	4.54	-50.2%	(10,382)	-	0.5
QCG	4.01	-0.4%	(63)	-	0.9
HPX	3.71	4.6%	540	10.1	0.5
LDG	3.41	-5.5%	(692)	-	0.4
DXS	3.08	-0.4%	(82)	-	0.6

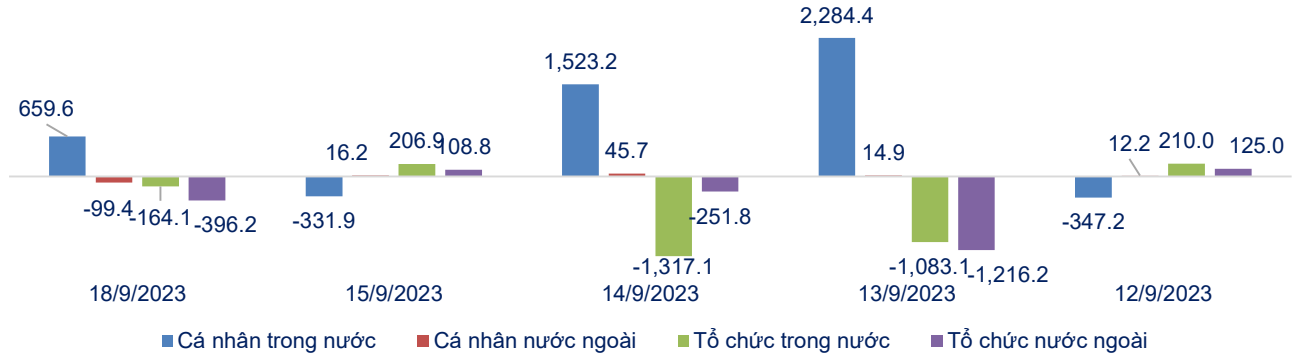
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC2	3.51	3.9%	562	24.4	0.9
IDJ	3.06	5.8%	656	11.3	0.6
VC7	2.86	2.4%	261	101.1	2.4
L14	2.83	12.8%	1,653	32.2	4.0
API	2.76	6.3%	721	9.8	0.6



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	169.43	3.9%	1,395	38.4	1.5
VPB	67.23	11.1%	1,728	13.1	1.4
SSI	61.10	7.3%	1,093	32.5	2.4
HPG	60.15	-2.0%	(328)	-	1.6
FPT	52.68	22.1%	4,596	21.2	4.3

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HSG	-47.45	-12.5%	(2,114)	-	1.3
DGC	-38.54	36.6%	10,780	8.4	2.9
DXG	-30.67	-1.4%	(317)	-	0.9
FRT	-19.00	-2.3%	(327)	-	6.6
VHC	-15.12	16.4%	7,080	10.9	1.7

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	14.68	7.0%	839	23.4	1.6
VIC	2.83	3.9%	1,395	38.4	1.5
MWG	1.60	6.6%	1,069	52.3	3.5
HAH	1.36	20.6%	5,583	6.9	1.3
VRE	1.23	10.6%	1,588	17.9	1.8

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	-16.67	20.3%	2,765	6.5	1.3
TPB	-15.61	18.6%	2,686	7.1	1.4
VND	-13.89	3.9%	467	51.4	1.9
DGC	-12.90	36.6%	10,780	8.4	2.9
PC1	-10.24	3.7%	944	32.0	1.2

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	43.21	29.1%	10,341	4.9	1.3
HSG	38.51	-12.5%	(2,114)	-	1.3
FUESSVFL	20.72	N/A	N/A	N/A	N/A
VND	19.97	3.9%	467	51.4	1.9
DGC	18.60	36.6%	10,780	8.4	2.9

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	-31.39	-1.4%	(317)	-	0.9
VPB	-24.97	11.1%	1,728	13.1	1.4
SBT	-20.67	5.4%	726	22.2	1.1
HPG	-20.12	-2.0%	(328)	-	1.6
DIG	-17.50	1.2%	152	178.7	2.1

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	62.33	-1.4%	(317)	-	0.9
DGC	32.84	36.6%	10,780	8.4	2.9
FRT	16.19	-2.3%	(327)	-	6.6
VHC	14.57	16.4%	7,080	10.9	1.7
DCM	12.00	21.5%	4,286	7.9	1.6

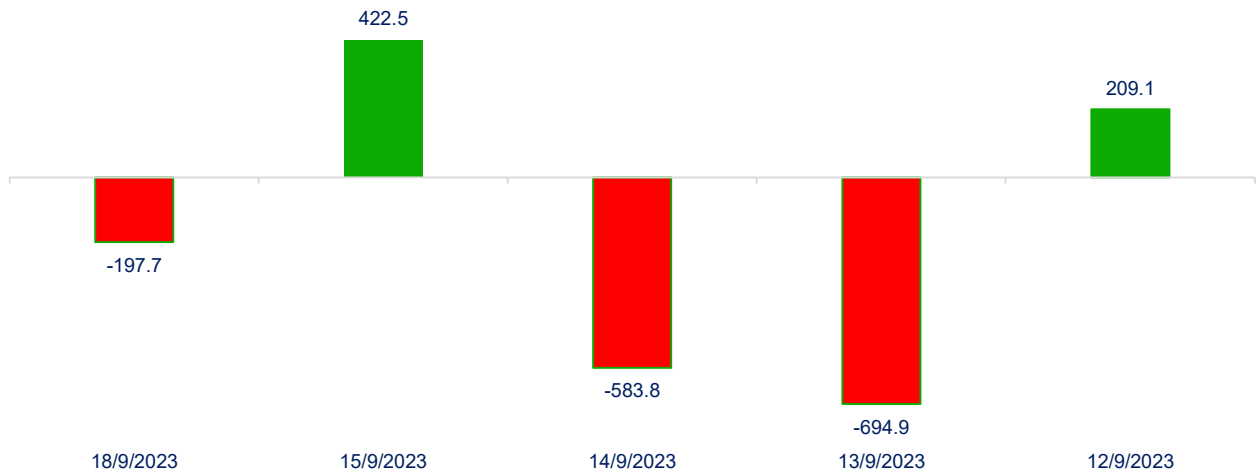
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-156.51	3.9%	1,395	38.4	1.5
VRE	-46.90	10.6%	1,588	17.9	1.8
SSI	-44.11	7.3%	1,093	32.5	2.4
VHM	-42.57	29.1%	10,341	4.9	1.3
HPG	-38.13	-2.0%	(328)	-	1.6

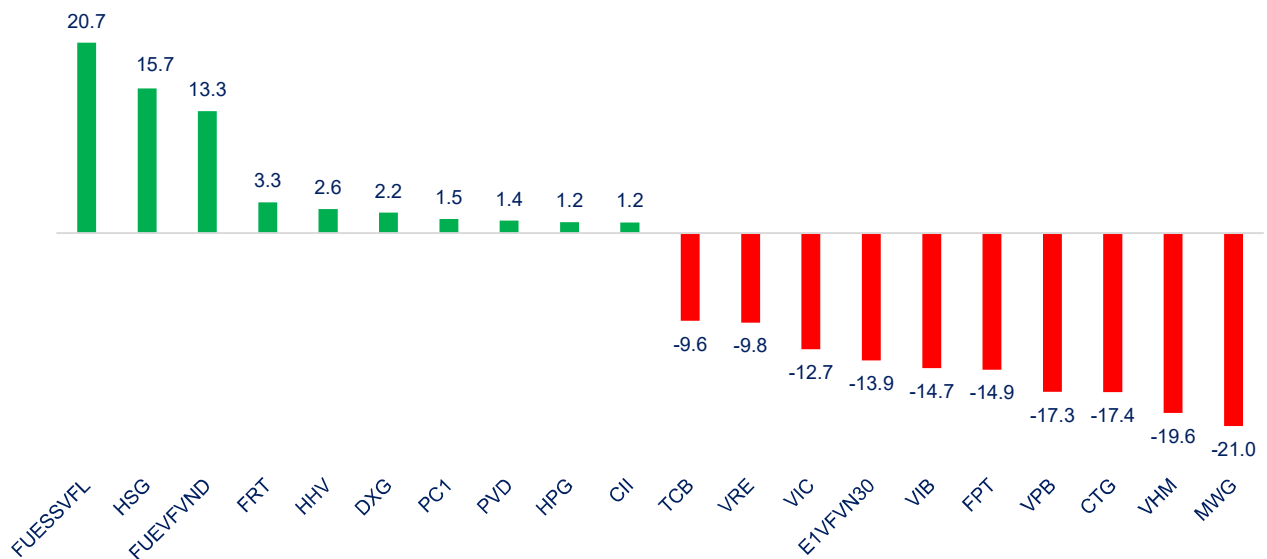


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngõ Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn